

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
HÓA CHẤT
ĐỨC GIANG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT
ĐỨC GIANG
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ
NỘI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC
GIANG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST.0101452588
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025.06.20 12:52:25+0700
Foxit PDF Reader Version:
2025.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



Tháng 06 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	12 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Hữu Kha	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Đào Hữu Duy Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 03/03/2025
		Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Nguyễn Quốc Trung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Phạm Duy Tùng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Lưu Bách Đạt	Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT độc lập	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Bách Đạt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/03/2025
Ông Đào Hữu Duy Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03/03/2025
Ông Phùng Trọng Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/06/2026
Ông Phạm Duy Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/06/2026
Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Kiên	Trưởng ban
Ông Vũ Văn Ngộ	Thành viên
Bà Phạm Thị Thoa	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lưu Bách Đạt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/03/2025
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Đào Hữu Duy Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026

Kế toán trưởng

Bà Trương Thị Loan	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08/05/2026
Bà Đào Thị Mai	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,


Lưu Bách Đạt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026

Số: 751/2026/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 6 năm 2026, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty sau thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2025, do đó, chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê nhóm thành phẩm quặng apatit đang ghi nhận trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo với giá trị tại ngày 31/12/2025 là hơn 30,2 tỷ đồng. Các thủ tục thay thế không đem lại cho chúng tôi bằng chứng đáng tin cậy để đưa ra ý kiến kiểm toán về tính hiện hữu, tính đầy đủ, tính chính xác và tính giá trị của khoản mục này trên Báo cáo tài chính riêng. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư hàng tồn kho được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 hay không, cũng như ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 33 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, ngày 17/3/2026, một số nguyên thành viên Ban lãnh đạo chủ chốt của Công ty đã bị khởi tố và đang trong quá trình phục vụ công tác điều tra liên quan đến vi phạm quy định về kế toán, vi phạm quy định về khai thác tài nguyên môi trường và gây ô nhiễm môi trường.

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, vụ việc vẫn đang trong quá trình điều tra và chưa có kết luận chính thức từ cơ quan có thẩm quyền. Chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu các vấn đề nêu trên có dẫn đến sai sót trọng yếu nào đối với Báo cáo tài chính riêng hay không, bao gồm các ảnh hưởng tiềm tàng liên quan đến việc ghi nhận kế toán, nghĩa vụ phải trả, các khoản dự phòng hoặc chi phí liên quan đến xử lý môi trường (nếu có).

Do đó, tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thể xác định được liệu có cần thiết phải thực hiện các điều chỉnh đối với các chỉ tiêu liên quan trên báo cáo tài chính riêng kèm theo hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng này theo báo cáo kiểm toán số HAN 3887 ngày 26/02/2025.



A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Nguyễn Thị Thu Hà, the auditor.

Trịnh Thị Trang
Giám đốc kiểm toán
Giấy CNĐKHNKT số: 4061-2022-112-1
Thay mặt và đại diện cho

Nguyễn Thị Thu Hà
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHNKT số: 2277-2023-112-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.074.376.829.992	3.609.497.916.889
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	689.168.385.341	5.494.085.885
Tiền	111		430.168.385.341	5.494.085.885
Các khoản tương đương tiền	112		259.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	4.105.234.531.748	3.449.668.736.986
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.105.234.531.748	3.449.668.736.986
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.969.276.292	90.643.678.159
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	56.588.622.690	15.438.980.702
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	16.057.024.565	1.089.426.954
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	112.323.629.037	74.115.270.503
Hàng tồn kho	140	9	89.191.839.228	62.489.215.212
Hàng tồn kho	141		89.191.839.228	62.489.215.212
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.812.797.383	1.202.200.647
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.105.737.118	1.202.200.647
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14	3.707.060.265	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.734.699.588.409	5.345.534.803.967
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	6.996.859.984
Phải thu dài hạn khác	216	8	-	6.996.859.984
Tài sản cố định	220		104.453.372.330	147.468.445.208
Tài sản cố định hữu hình	221	11	104.453.372.330	147.468.445.208
- Nguyên giá	222		377.168.286.325	389.650.117.820
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(272.714.913.995)	(242.181.672.612)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		265.000.000	265.000.000
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(265.000.000)	(265.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		46.144.500	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		46.144.500	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	5.584.952.700.800	5.084.952.700.800
Đầu tư vào công ty con	251		5.584.952.700.800	5.084.952.700.800
Tài sản dài hạn khác	260		45.247.370.779	106.116.797.975
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	45.247.370.779	106.116.797.975
TỔNG TÀI SẢN	270		10.809.076.418.401	8.955.032.720.856

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.529.864.198.768	384.760.320.753
Nợ ngắn hạn	310		1.529.864.198.768	384.760.320.753
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	10.442.433.259	8.273.139.662
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		314.588.869	77.850.681
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	58.169.464.982	91.110.444.896
Phải trả người lao động	314		26.066.758.000	18.354.883.183
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.142.998.185.173	3.316.883.039
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	291.872.768.485	263.627.119.292
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.279.212.219.633	8.570.272.400.103
Vốn chủ sở hữu	410	17	9.279.212.219.633	8.570.272.400.103
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.797.792.860.000	3.797.792.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.797.792.860.000	3.797.792.860.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.786.667.372.400	1.786.667.372.400
Cổ phiếu quỹ	415		(8.730.000)	(8.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.677.027.256.490	1.300.586.693.646
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.017.733.460.743	1.685.234.204.057
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.133.403.156.900	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		884.330.303.843	1.685.234.204.057
TỔNG NGUỒN VỐN	440		10.809.076.418.401	8.955.032.720.856

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Hồng Đức

Trương Thị Loan

Lưu Bách Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	739.192.894.629	672.447.226.259
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		739.192.894.629	672.447.226.259
Giá vốn hàng bán	11	20	453.899.330.284	402.539.743.718
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		285.293.564.345	269.907.482.541
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.940.401.380.579	3.127.497.250.336
Chi phí tài chính	22	22	94.685.487	61.876.817
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	23	71.340.347.190	75.279.569.521
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	42.026.576.682	44.131.321.605
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.112.233.335.565	3.277.931.964.934
Thu nhập khác	31	25	705.721.253	1.788.153.319
Chi phí khác	32	26	-	588.348.231
Lợi nhuận khác	40		705.721.253	1.199.805.088
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.112.939.056.818	3.279.131.770.022
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	89.273.513.975	61.350.153.972
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.023.665.542.843	3.217.781.616.050

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Đức

Trương Thị Loan

Lưu Bách Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.112.939.056.818	3.279.131.770.022
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		42.656.771.940	37.639.706.133
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		87.948.833	2.081.960
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.946.527.806.431)	(3.127.425.512.790)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		209.155.971.160	189.348.045.325
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(90.550.968.985)	8.708.543.446
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.702.624.016)	(12.602.196.483)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(34.289.108.647)	(11.361.496.043)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		59.965.890.725	24.979.060.859
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(77.461.415.506)	(43.602.924.942)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(147.144.835.120)	(211.223.570.780)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(107.027.090.389)	(55.754.538.618)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.013.313.472)	(255.299.067.051)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.325.469.910	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.504.600.000.000)	(2.702.335.917.808)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.893.117.397.918	1.268.682.533.013
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000.000)	(51.426.290.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.901.898.306.375	3.082.472.098.538
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		790.727.860.731	1.342.093.356.692

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		- (2.234.431.048.350)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		- (2.234.431.048.350)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		683.700.770.342	(948.092.230.276)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	5.494.085.885	953.586.361.543
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(26.470.886)	(45.382)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	689.168.385.341	5.494.085.885

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Hồng Đức

Kế toán trưởng



Trương Thị Loan

Tổng Giám đốc



Lưu Bách Đạt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101452588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 5 tháng 3 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 26) được cấp vào ngày 22 tháng 07 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DGC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, Phường Việt Hưng, TP Hà Nội, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp. Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất hóa chất cơ bản, chi tiết: sản xuất nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ, chi tiết: sản xuất các mặt hàng phân bón;
- Buôn bán các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón; buôn bán nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; và
- Khai khoáng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có ba (03) chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh Hưng Yên, thành phố Hồ Chí Minh và Lào Cai), bảy (07) công ty con trực tiếp như sau:

STT	Tên công ty con	Địa chỉ hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Khu công nghiệp Tăng Loóng, xã Tăng Loóng, tỉnh Lào Cai	100%	100%	Sản xuất công nghiệp
2	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	Lô CN5.3K, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng	100%	100%	Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa
3	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Sản xuất công nghiệp
4	Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	Phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội	100%	100%	Hoạt động thể thao
5	Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang	Phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
6	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông	Khu Công nghiệp Tâm Thắng, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng	Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP Hải Phòng, Việt Nam	51%	51%	Sản xuất công nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 258 nhân viên (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 325 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo một tỷ giá là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty đảm bảo tỷ giá xấp xỉ có chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua/bán chuyển khoản trung bình, và không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi nhanh chóng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể về việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ (đối với thành phẩm và nguyên vật liệu sản xuất chính) và phương pháp kê khai thường xuyên (đối với nguyên vật liệu phụ và vật tư xuất dùng để lắp đặt, sửa chữa) để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thỏa thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hay một thỏa thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, ngoại trừ phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ quặng được khấu hao theo phương pháp sản lượng, để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, ngoại trừ TSCĐ được hình thành từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 3.15). Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải (*)	05 – 08
Thiết bị văn phòng	03 – 06
Phần mềm	05

(*) Phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ quặng Apatit tại Khai trường 25 được khấu hao theo phương pháp sản lượng khai thác, dự kiến trong vòng 6 năm (2021-2026).

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 THUÊ TÀI SẢN

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được khai thác mỏ quặng Apatit; cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp có hệ thống dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước. Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng liên quan đến đất thuê được phân bổ tương ứng với thời hạn thuê đất.

Chi phí phát sinh liên quan đến khai thác mỏ quặng Apatit tại Khai trường 25 của Công ty được phân bổ theo sản lượng khai thác, dự kiến trong vòng 6 năm (2021-2026).

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

3.10 VAY VÀ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và phải trả thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và phải trả thuê tài chính từ các ngân hàng, bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay và phải trả thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và phải trả thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng tài sản đủ điều kiện được vốn hóa trong suốt thời gian xây dựng cho đến khi tài sản hoàn thành và sẵn sàng đưa vào sử dụng.

Đối với các khoản vay chung được sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng tài sản đủ điều kiện, Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng trên chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho hoạt động đầu tư xây dựng. Tỷ lệ vốn hóa được tính dựa trên lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa thanh toán trong năm tài chính, loại trừ các khoản vay riêng biệt cho từng tài sản cụ thể.

Các chi phí đi vay khác được ghi nhận trực tiếp vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tại năm phát sinh.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của năm tài chính.

3.13 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 01 tháng 01 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Bên cạnh đó, theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, Quỹ cũng được dùng để mua sắm TSCĐ dùng cho các hoạt động văn hóa, phúc lợi của nhân viên. Theo đó, Công ty ghi nhận TSCĐ trên báo cáo tài chính riêng và trích khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính (Thuyết minh 3.5). Tuy nhiên, khấu hao của các TSCĐ này không được ghi vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, mà được ghi giảm Quỹ.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức/lợi nhuận được chia được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận từ công ty con được chia từ nguồn lợi nhuận sau thuế của công ty con hình thành sau ngày đầu tư được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính. Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia từ nguồn lợi nhuận sau thuế của công ty con hình thành trước ngày đầu tư được hạch toán làm giảm giá trị của khoản đầu tư vào công ty con của Công ty.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.17 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm lỗ tỷ giá hối đoái.

3.20 CHI PHÍ BÁN HÀNG

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.23 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.24 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

3.25 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN TRỌNG YẾU

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 3.5);
- Thuế TNDN (Thuyết minh 27);
- Nợ tiềm tàng và các cam kết khác (Thuyết minh 32).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	2.193.221.058	384.382.805
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	427.975.164.283	5.109.703.080
Các khoản tương đương tiền (*)	259.000.000.000	-
Cộng	689.168.385.341	5.494.085.885

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá 3 tháng hưởng lãi suất là 4,75%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Mẫu số B 09 - DN

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.105.234.531.748	4.105.234.531.748	3.449.668.736.986	3.449.668.736.986
Cộng	4.105.234.531.748	4.105.234.531.748	3.449.668.736.986	3.449.668.736.986

(*) Số dư cuối năm bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước hưởng lãi suất từ 5% đến 6,5% (Tại ngày 31/12/2024 là từ 4,1% đến 5,8%).

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng trị giá là 58 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của các Công ty con (Tại ngày 31/12/2024 là: 143 tỷ đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Mẫu số B 09 - DN

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	5.584.952.700.800	-	(*)	5.084.952.700.800	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	2.785.094.822.400	-	(*)	2.785.094.822.400	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	60.000.000.000	-	(*)	60.000.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	1.000.000.000.000	-	(*)	1.000.000.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	5.000.000.000	-	(*)	5.000.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang	1.000.000.000.000	-	(*)	500.000.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông	600.000.000.000	-	(*)	600.000.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng (**)	134.857.878.400	-	95.639.005.600	134.857.878.400	-	147.930.836.000
Cộng	5.584.952.700.800	-	(*)	5.084.952.700.800	-	(*)

(*) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định bằng các tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc năm tài chính hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc năm tài chính) của cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX").

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Mẫu số B 09 - DN

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	56.588.622.690	-	15.438.980.702	-
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	49.744.794.977	-	10.164.246.113	-
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Việt	-	-	1.031.014.755	-
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông	512.730.916	-	944.160.528	-
- Công ty Cổ Phần Phốt Pho Apatit Việt Nam	137.698.191	-	460.268.509	-
- Công ty Cổ Phần ắc Quy Tia Sáng	6.193.398.606	-	108.838.704	-
- Các đối tượng khác	-	-	2.730.452.093	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	56.588.622.690	-	15.438.980.702	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:	50.395.224.084	-	11.677.513.854	-

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.1

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	16.057.024.565	-	1.089.426.954	-
- Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	988.786.598	-	485.507.167	-
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Nam Kiên	10.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật điện Cát Tường	1.826.633.922	-	-	-
- Công ty TNHH Thương máy Mitsubishi Việt Nam	1.584.000.000	-	-	-
- Các khoản trả trước khác	1.657.604.045	-	603.919.787	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	16.057.024.565	-	1.089.426.954	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Mẫu số B 09 - DN

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	112.323.629.037	-	74.115.270.503	-
- Tạm ứng	107.182.000	-	218.157.932	-
- Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	112.149.967.717	-	73.845.937.571	-
- Phải thu khác	66.479.320	-	51.175.000	-
b) Dài hạn	-	-	6.996.859.984	-
- Quỹ bảo vệ Môi trường tỉnh Lào Cai	-	-	6.996.859.984	-
Cộng	112.323.629.037	-	81.112.130.487	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	36.163.599.807	-	27.499.998.426	-
- Công cụ, dụng cụ	176.577.363	-	184.289.781	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.161.875	-	-	-
- Thành phẩm	52.814.500.183	-	34.804.927.005	-
- Hàng hóa	8.000.000	-	-	-
Cộng	89.191.839.228	-	62.489.215.212	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.105.737.118	1.202.200.647
- Chi phí vật tư xe	1.298.945.316	1.071.704.397
- Chi phí xưởng bột giặt	-	130.496.250
- Chi phí chờ phân bổ khác	806.791.802	-
b) Dài hạn	45.247.370.779	106.116.797.975
- Chi phí phát sinh liên quan đến khai thác mỏ quặng Apatit tại Khai trường 25	-	59.271.786.555
- Tiền thuê đất trả trước (*)	45.065.011.412	46.845.011.420
- Chi phí trả trước dài hạn khác	182.359.367	-
Cộng	47.353.107.897	107.318.998.622

(*) Đây là các khoản tiền thuê đất trả một lần được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 năm đến 37 năm phù hợp với thời gian của từng hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Mẫu số B 09 - DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	82.665.695.834	156.134.203.693	150.052.450.807	797.767.486	389.650.117.820
- Mua trong năm	802.164.869	3.636.347.739	1.528.656.364	-	5.967.168.972
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(18.182.827.740)	-	(18.182.827.740)
- Giảm khác	-	-	-	(266.172.727)	(266.172.727)
31/12/2025	83.467.860.703	159.770.551.432	133.398.279.431	531.594.759	377.168.286.325
KHẤU HAO LŨY KẾ					
01/01/2025	(34.013.248.833)	(112.148.668.019)	(95.438.723.555)	(581.032.205)	(242.181.672.612)
- Khấu hao trong năm	(3.806.778.951)	(11.100.077.140)	(27.700.395.070)	(49.520.779)	(42.656.771.940)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	11.857.357.830	-	11.857.357.830
- Giảm khác	-	-	-	266.172.727	266.172.727
31/12/2025	(37.820.027.784)	(123.248.745.159)	(111.281.760.795)	(364.380.257)	(272.714.913.995)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	48.652.447.001	43.985.535.674	54.613.727.252	216.735.281	147.468.445.208
31/12/2025	45.647.832.919	36.521.806.273	22.116.518.636	167.214.502	104.453.372.330

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 117.753.942.468 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 100.294.148.852 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	265.000.000	265.000.000
31/12/2025	265.000.000	265.000.000
KHẤU HAO LŨY KẾ		
01/01/2025	(265.000.000)	(265.000.000)
31/12/2025	(265.000.000)	(265.000.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	-	-
31/12/2025	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 265.000.000 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 265.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Mẫu số B 09 - DN

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty TNHH MTV thương mại Quang Thành	10.442.433.259	10.442.433.259	8.273.139.662	8.273.139.662
- Công ty TNHH Văn Minh	-	-	1.474.046.850	1.474.046.850
- Các nhà cung cấp khác	4.601.661.045	4.601.661.045	2.457.715.184	2.457.715.184
b) Dài hạn	5.840.772.214	5.840.772.214	4.341.377.628	4.341.377.628
	-	-	-	-
Cộng	10.442.433.259	10.442.433.259	8.273.139.662	8.273.139.662
Phải trả người bán là các bên liên quan:	4.630.665.827	4.630.665.827	2.490.569.216	2.490.569.216
<i>Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.1</i>				

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	01/01/2025		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2025	
	Số phải nộp/ cần trừ trong năm		VND		VND	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu						
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	3.707.060.265	3.707.060.265		
Cộng	-	-	3.707.060.265	3.707.060.265		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Mẫu số B 09 - DN

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.883.496.572	17.407.956.271	17.963.082.249	1.328.370.594
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.306.020.113	3.306.020.113	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.656.081.439	89.273.513.975	77.461.415.506	55.468.179.908
- Thuế thu nhập cá nhân	44.531.793.343	8.749.047.216	53.280.840.559	-
- Thuế tài nguyên, phí cấp quyền khai thác	458.127.662	36.480.247.706	36.061.639.368	876.736.000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.924.398.713	5.924.398.713	-
- Các loại thuế, phí khác	580.945.880	17.720.931.600	17.805.699.000	496.178.480
Cộng	91.110.444.896	178.862.115.594	211.803.095.508	58.169.464.982

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.142.998.185.173	3.316.883.039
- Kinh phí công đoàn	414.148.396	183.499.295
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	819.385.791	899.385.791
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.141.764.650.986	2.233.997.953
+ <i>Cổ tức năm 2025</i>	<i>1.139.335.239.000</i>	-
+ <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>2.429.411.986</i>	<i>2.233.997.953</i>
Cộng	1.142.998.185.173	3.316.883.039

16. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	263.627.119.292	289.501.486.795
Trích quỹ trong năm (thuyết minh 17.3)	179.692.959.588	185.349.203.277
Chuyển quỹ về công ty con	(103.000.000.000)	(190.000.000.000)
Quỹ sử dụng trong kỳ	(48.447.310.395)	(21.223.570.780)
Số dư cuối năm	291.872.768.485	263.627.119.292

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.797.792.860.000	3.797.792.860.000
+ Vốn góp đầu năm	3.797.792.860.000	3.797.792.860.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	3.797.792.860.000	3.797.792.860.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.139.335.239.000	1.139.335.239.000

17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Cổ phiếu phổ thông CP	Tỷ lệ %	Cổ phiếu phổ thông CP	Tỷ lệ %
Ông Đào Hữu Huyền	69.794.354	18,378%	69.794.354	18,378%
Bà Ngô Thị Ngọc Lan	25.205.068	6,637%	25.205.068	6,637%
Ông Đào Hữu Kha	22.667.148	5,969%	22.667.148	5,969%
Cổ đông khác	262.111.843	69,017%	262.111.843	69,017%
Cổ phiếu quỹ	873	0,0002%	873	0,0002%
Cộng	379.779.286	100,000%	379.779.286	100,000%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Mẫu số B 09 - DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.3 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	3.797.792.860.000	1.786.667.372.400	(8.730.000)	865.777.128.989	229.495.894.403	6.679.724.525.792	
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.217.781.616.050	3.217.781.616.050	
- Chi quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(2.549.299.462)	-	(2.549.299.462)	
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	437.358.864.119	(1.762.043.306.396)	(1.324.684.442.277)	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	437.358.864.119	(437.358.864.119)	-	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(185.349.203.277)	(185.349.203.277)	
+ Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(1.139.335.239.000)	(1.139.335.239.000)	
31/12/2024	3.797.792.860.000	1.786.667.372.400	(8.730.000)	1.300.586.693.646	1.685.234.204.057	8.570.272.400.103	
01/01/2025	3.797.792.860.000	1.786.667.372.400	(8.730.000)	1.300.586.693.646	1.685.234.204.057	8.570.272.400.103	
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	2.023.665.542.843	2.023.665.542.843	
- Tăng khác	-	-	-	4.302.475.275	-	4.302.475.275	
- Phân phối lợi nhuận năm 2024 (*)	-	-	-	372.138.087.569	(551.831.047.157)	(179.692.959.588)	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	372.138.087.569	(372.138.087.569)	-	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(179.692.959.588)	(179.692.959.588)	
- Tạm ứng cổ tức năm 2025 (**)	-	-	-	-	(1.139.335.239.000)	(1.139.335.239.000)	
31/12/2025	3.797.792.860.000	1.786.667.372.400	(8.730.000)	1.677.027.256.490	2.017.733.460.743	9.279.212.219.633	

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2025.

(**) Tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2025 và Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐQT ngày 18/12/2025 của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

18. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 1.119,20 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 635,70 USD).

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu bán hàng	7.687.519.890	3.189.484.620
- Doanh thu bán thành phẩm	648.043.330.307	587.282.083.961
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	83.462.044.432	81.975.657.678
Cộng	739.192.894.629	672.447.226.259
Doanh thu với các bên liên quan:	516.724.216.631	473.758.460.607
<i>Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.1</i>		

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.700.867.774	2.970.364.759
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	377.976.146.969	328.360.942.213
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	68.222.315.541	71.208.436.746
Cộng	453.899.330.284	402.539.743.718

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.727.408.176.400	3.001.912.780.112
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	212.794.160.121	125.573.449.053
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	199.044.058	11.021.171
Cộng	1.940.401.380.579	3.127.497.250.336

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	87.948.833	32.299.296
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6.736.654	29.577.521
Cộng	94.685.487	61.876.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>		
- Chi phí nhân viên	18.880.185.418	12.400.622.527
- Chi phí vận chuyển	42.543.473.615	53.876.727.210
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.091.844.653	629.176.618
- Chi phí bằng tiền khác	8.824.843.504	8.373.043.166
Cộng	71.340.347.190	75.279.569.521

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
- Chi phí nhân viên quản lý	24.055.998.999	23.853.178.028
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	5.708.712.585	6.815.852.478
- Tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí	7.078.930.512	6.518.422.481
- Chi phí khác	5.182.934.586	6.943.868.618
Cộng	42.026.576.682	44.131.321.605

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Các khoản khác	705.721.253	1.788.153.319
Cộng	705.721.253	1.788.153.319

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Phạt vi phạm hành chính	-	588.348.231
Cộng	-	588.348.231

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lãi kế toán trước thuế	2.112.939.056.818	3.279.131.770.022
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	(1.666.571.486.943)	(2.972.381.000.162)
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	60.836.689.457	29.531.779.950
- Chi phí không được trừ	60.310.019.315	16.061.417.285
- Dự phòng thiếu của năm trước	526.670.142	13.470.362.665
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(1.727.408.176.400)	(3.001.912.780.112)
- Thu nhập từ cổ tức	(1.727.408.176.400)	(3.001.912.780.112)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	446.367.569.875	306.750.769.860
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	89.273.513.975	61.350.153.972
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	89.273.513.975	61.350.153.972

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	203.982.367.197	209.061.605.167
- Chi phí nhân công	103.265.087.789	92.566.062.261
- Khấu hao tài sản cố định	42.656.771.940	37.639.706.133
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.984.380.745	134.992.762.129
- Chi phí bằng tiền khác	113.296.853.258	51.335.837.419
Cộng	559.185.460.929	525.595.973.109

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

- Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Chỉ tiêu	Năm 2025		Tổng bộ phận đã báo cáo VND
	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	
Kết quả kinh doanh			
Doanh thu thuần từ bán hàng và dịch vụ ra bên ngoài	648.043.330.307	83.462.044.432	739.192.894.629
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ ra bên ngoài	377.976.146.969	68.222.315.541	453.899.330.284
Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính không phân bổ (*)	(*)	(*)	1.940.306.695.092
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(*)	(*)	2.112.233.335.565
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	4.438.512.608	1.574.800.864	6.013.313.472
Tài sản			
Tài sản không phân bổ (**)	(**)	(**)	10.809.076.418.401
Tổng tài sản			10.809.076.418.401
Nợ phải trả			
Nợ phải trả không phân bổ (**)	(**)	(**)	1.529.864.198.768
Tổng nợ phải trả	(**)	(**)	1.529.864.198.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Chỉ tiêu	Năm 2024		
	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng bộ phận đã báo cáo
	VND	VND	VND
Kết quả kinh doanh			
Doanh thu thuần từ bán hàng và dịch vụ ra bên ngoài	590.471.568.581	81.975.657.678	672.447.226.259
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ ra bên ngoài	331.331.306.972	71.208.436.746	402.539.743.718
Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính không phân bổ (*)	(*)	(*)	3.127.435.373.519
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(*)	(*)	3.277.931.964.934
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	252.711.030.802	2.588.036.249	255.299.067.051
Tài sản			
Tài sản không phân bổ (**)	(**)	(**)	8.955.032.720.856
Tổng tài sản	(**)	(**)	8.955.032.720.856
Nợ phải trả			
Nợ phải trả không phân bổ	(**)	(**)	384.760.320.753
Tổng nợ phải trả	(**)	(**)	384.760.320.753

(*) Thu nhập thuần không phân bổ chủ yếu bao gồm kết quả từ doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.

(**) Tài sản bộ phận không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản tiền, tiền gửi tiết kiệm và đầu tư vào công ty con. Nợ bộ phận không phân bổ chủ yếu liên quan đến khoản quỹ khen thưởng phúc lợi, cổ tức phải trả.

(b) Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý)

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý bởi doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ khách hàng trong nước và Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1 BÊN LIÊN QUAN

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã được trình bày tại mục Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan chính khác như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đắk Nông	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Văn Minh	Chung sự kiểm soát của Chủ tịch HĐQT

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	452.030.319.993	423.016.210.799
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ	1.965.500	5.963.434
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	401.566.319	-
- Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	1.599.600	2.649.041
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đắk Nông	2.854.903.846	1.219.548.806
- Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng	8.350.727.247	1.279.809.391
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	5.991.919.593	5.312.201.638
- Công ty TNHH Văn Minh	47.091.214.533	42.922.077.498
Cộng	516.724.216.631	473.758.460.607
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	3.843.942.699	4.311.957.316
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đắk Nông	582.716.300	1.130.000
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	401.566.319	-
- Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng	175.160.640	201.214.460
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	752.462.000	1.245.151.200
- Công ty TNHH Văn Minh	123.939.981.525	107.693.903.313
Cộng	129.695.829.483	113.453.356.289

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận được chia		
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	1.725.000.000.000	3.000.000.000.000
- Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng	2.408.176.400	1.912.780.112
Cộng	1.727.408.176.400	3.001.912.780.112
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt		
Ông Đào Hữu Huyền - Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 08/05/2026)	377.608.000	357.608.000
Ông Đào Hữu Duy Anh - Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/05/2026)	2.878.535.352	2.481.565.092
Ông Phạm Văn Hùng - Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/05/2026)	96.000.000	96.000.000
Ông Lưu Bách Đạt - Tổng Giám đốc	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Văn Quang - Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên HĐQT	96.000.000	72.000.000
Ông Quách Kiều Hưng	-	-
Ông Nguyễn Văn Kiên - Trưởng Ban Kiểm soát	903.053.628	811.267.934
Ông Vũ Văn Ngộ - Thành viên Ban Kiểm soát	72.000.000	72.000.000
Bà Phạm Thị Thoa - Thành viên Ban Kiểm soát	673.425.649	432.328.697
Bà Đào Thị Mai - Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 08/05/2026)	2.171.049.475	1.916.176.837
Cộng	7.363.672.104	6.358.946.560

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng	50.395.224.084	11.677.513.854
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	49.744.794.977	10.164.246.113
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông	-	944.160.528
- Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng	137.698.191	108.838.704
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	512.730.916	460.268.509
Phải trả người bán	4.630.665.827	2.490.569.216
- Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng	29.004.782	32.854.032
- Công ty TNHH Văn Minh	4.601.661.045	2.457.715.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Cam kết thuê hoạt động phản ánh số tiền thuê đất của Công ty, Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền thuê đất		
Đến 1 năm	4.376.551.228	4.376.551.228
Từ 1 năm đến 5 năm	17.506.204.912	17.506.204.912
Trên 5 năm	99.347.712.876	103.724.264.104
Cộng	121.230.469.016	125.607.020.244

32. NỢ TIỀM TÀNG VÀ CÁC CAM KẾT KHÁC**Nghĩa vụ hoàn nguyên các khu đất thuê**

Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Phần lớn các hợp đồng thuê đất này không có quy định về nghĩa vụ hoàn nguyên khu đất thuê. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá là Công ty có thể có các nghĩa vụ tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên đối với đất thuê vào báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Bảo lãnh thanh toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã phát hành các thư bảo lãnh và các hợp đồng bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay của các công ty con là:

- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai trị giá 2.600 tỷ Đồng với các ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.660 tỷ); và
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam trị giá 400 tỷ Đồng với các ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 200 tỷ Đồng).

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 17/3/2026, cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án “Gây ô nhiễm môi trường; Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên; Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” xảy ra tại Tập đoàn Hóa chất Đức Giang và các đơn vị liên quan. Theo đó, một số nguyên lãnh đạo chủ chốt của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) đã bị khởi tố và đang trong quá trình phục vụ điều tra.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, do vụ việc đang trong quá trình điều tra và chưa có kết luận chính thức từ cơ quan có thẩm quyền, Ban Giám đốc chưa có đủ cơ sở và thông tin cần thiết để đánh giá một cách đáng tin cậy các ảnh hưởng tài chính có thể phát sinh từ sự kiện nêu trên. Công ty sẽ tiếp tục theo dõi và cập nhật khi có thông tin chính thức, đồng thời xem xét ghi nhận hoặc thuyết minh bổ sung (nếu cần thiết) theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Ngoài các nội dung nêu trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh hoặc thuyết minh bổ sung trong báo cáo tài chính.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Đức

Trương Thị Loan

Lưu Bách Đạt